

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HS-ST

Ngày: 27 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thiện Lợi

Bà Hoàng Thị Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh ngày 14/02/1994; Nơi cư trú: Số nhà 19, ngõ 76, đường H, tổ 8, phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Minh T (đã chết) và bà Đào Thị C; Có chồng là Nguyễn Minh T1 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh ngày 26/11/2009, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/10/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Phan Thị Khánh L, sinh năm: 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn PN, xã I, huyện R, thành phố Hà Nội.

- Chị Trần Thị Kiều A, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 03/01, ngõ 177, đường B, phường O, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Anh Phạm Ngọc Q, sinh năm: 1998

Nơi cư trú: Thôn U, xã I, huyện R, thành phố Hà Nội.

- Chị Lê Thị N, sinh năm: 1999

Nơi thường trú: Tổ 8, phường TP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện tại: Số nhà 06, đường NB, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Chị Đoàn Thị L1, sinh năm: 1996

Nơi cư trú: Số nhà 04, ngõ 37, đường QT, tổ 2, phường QT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Duy Đ, sinh năm: 1996

Nơi cư trú: Số nhà 03/01, ngõ 177, đường B, phường O, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm, không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Thị N nảy sinh ý định giả danh là người có thể mở được thẻ tín dụng tại ngân hàng Sacombank và ngân hàng OCB với hạn mức cao rồi yêu cầu người mở thẻ phải mua gói bảo hiểm của ngân hàng, khi người mở thẻ chuyển tiền mua gói bảo hiểm thì N sẽ chiếm đoạt số tiền đó. N đã lập ra một tài khoản Facebook có tên “TNL”, lập tài khoản Zalo có tên “LN” đăng ký bằng số điện thoại 0928573749 để phục vụ cho việc lừa đảo. Vào tối ngày 26/6/2023 N sử dụng Zalo “Ntq” đăng ký số điện thoại 0778262868 kết bạn và nhắn tin đến Zalo “PL” của chị Phan Thị Khánh L (là bạn quen biết trước đó). N nói với chị L là quen chị Lê Thu N1 làm việc ở ngân hàng Sacombank, chị N1 có khả năng mở thẻ tín dụng hạn mức cao tại ngân hàng Sacombank và OCB và có thể làm được thẻ cho cả những người có nợ xấu với điều kiện phải mua bảo hiểm, bản thân N đã làm được thẻ tín dụng hạn mức cao với gói bảo hiểm ưu đãi tại ngân hàng

Sacombank, trong thời hạn 45 ngày sử dụng không mất phí nên chị L tin tưởng N và đồng ý để N giới thiệu chị L với chị N1. N đã tạo nhóm Zalo gồm N (sử dụng Zalo “Ntq”), Zalo “LN” (đều do N sử dụng), Zalo “PL” của chị L để nói chuyện, mục đích giới thiệu chị Lê Thu N1 (do N giả danh) cho chị L biết để tạo lòng tin với chị L về việc làm thẻ tín dụng. Sau đó N sử dụng Zalo “LN” chủ động kết bạn, nhắn tin nói chuyện riêng với chị L, nói nếu làm thẻ hạn mức tín dụng càng cao thì số tiền mua gói bảo hiểm càng lớn và muốn chị L giới thiệu nhiều người khác làm thẻ, càng nhiều người làm thì nhận được nhiều ưu đãi của ngân hàng. Do tin tưởng chị N1 (do N giả danh) nên chị Phan Thị Khánh L đã giới thiệu chị Trần Thị Kiều A có tên Zalo “KA”, anh Phạm Ngọc Q có tên Zalo “Phạm Ngọc Q”, chị Lê Thị N có tên Zalo “Ốc” và chị Tô MA có tên Zalo “Tô MA” kết bạn với Zalo “LN”. Chị Lê Thị N giới thiệu chị Đoàn Thị L1 có tên Zalo “Meo” kết bạn với Zalo “LN” do N sử dụng để nhờ làm thẻ tín dụng hạn mức cao. Qua Zalo “LN” trong khoảng thời gian từ cuối tháng 6 năm 2023 đến cuối tháng 7 năm 2023, N tự nhận bản thân là chị Lê Thu N1 nhắn tin yêu cầu chị Phan Thị Khánh L, chị KA, anh Q, chị Lê Thị N, chị Đoàn Thị L1 và chị Tô MA cung cấp thông tin cá nhân, hướng dẫn thủ tục làm thẻ, chi phí khách hàng phải trả khi làm thẻ, hứa chắc chắn sẽ làm được thẻ tín dụng tại ngân hàng Sacombank và OCB và hứa hẹn khoảng 01 tháng sẽ có thẻ của ngân hàng Sacombank, khoảng 1 đến 3 tuần sẽ có thẻ của ngân hàng OCB. Do tin tưởng chị Lê Thu N1 làm việc ở ngân hàng Sacombank và đã mở được thẻ cho N nên chị Phan Thị Khánh L, chị KA, anh Q, chị Lê Thị N, chị Đoàn Thị L1, chị Tô MA đã cung cấp thông tin cá nhân cho chị Lê Thu N1 (do N giả danh) để làm thẻ tín dụng. Sau đó chị Phan Thị Khánh L, chị KA, anh Q, chị Lê Thị N, chị Đoàn Thị L1 đã chuyển tiền mua bảo hiểm cho N, ngoài ra chị Phan Thị Khánh L còn chuyển tiền cho N để mua bảo hiểm làm thẻ tín dụng cho chị Tô MA. Cụ thể: Chị Phan Thị Khánh L đã sử dụng số tài khoản 19033598447XXX ngân hàng Techcombank và số tài khoản 883226638YYY ngân hàng MB Bank của chị Phan Thị Khánh L chuyển tiền thành nhiều lần đến số tài khoản 9423398ZZZ ngân hàng Techcombank và số tài khoản 47129000002XXY ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thị N, tổng số tiền 49.490.000 đồng để mua bảo hiểm làm thẻ tín dụng cho chị Phan Thị Khánh L, anh Nguyễn Tuấn A1 và chị Tô MA. Chị KA sử dụng số tài khoản 00002000XYY ngân hàng TPBank của chị KA chuyển tiền nhiều lần đến số tài khoản 9423398ZZZ ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Thị N, tổng số tiền là 43.000.000 đồng để mua bảo hiểm làm thẻ tín dụng cho chị KA và anh Phạm Duy Đ. Anh Q sử dụng số tài khoản 2517101998 ngân hàng VPBank của anh Q chuyển tiền nhiều lần đến số tài khoản 9423398ZZZ ngân hàng Techcombank, số tài khoản 47129000002XXY ngân hàng BIDV và số tài khoản 914021YYX ngân hàng MB mang tên Nguyễn Thị N, tổng số tiền là 87.190.000 đồng để mua bảo hiểm

làm thẻ tín dụng cho chị Trần Thị U1, anh Nguyễn Văn X, anh Hoàng Ngọc A2. Chị Lê Thị N sử dụng số tài khoản 1903XXX4781999 ngân hàng Techcombank và số tài khoản 0965YYY691 ngân hàng VPBank của chị Ninh chuyển tiền nhiều lần đến số tài khoản 9423398ZZZ ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Thị N, tổng số tiền là 13.000.000 đồng để mua bảo hiểm làm thẻ tín dụng cho chị Lê Thị N. Chị Đoàn Thị L1 sử dụng số tài khoản 0427552XXXX ngân hàng TPBank của chị Đoàn Thị L1 chuyển tiền một lần đến số tài khoản 9423398ZZZ ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Thị N, số tiền là 1.100.000 đồng để mua bảo hiểm làm thẻ tín dụng cho chị Đoàn Thị L1. Tổng số tiền N chiếm đoạt là 193.780.000 đồng. Sau khi nhận tiền, N không làm thẻ tín dụng mà sử dụng để chi tiêu cá nhân. Đến hạn trả thẻ tín dụng, chị Khánh L, chị KA, anh Q, chị Lê Thị N, chị Đoàn Thị L1 không thấy chị Lê Thu N1 (do N giả danh) trả thẻ nên đã liên tục nhắn tin đến Zalo “LN” hỏi về việc trả thẻ tín dụng nhưng N lấy nhiều lý do khác nhau khất lần việc trả thẻ để kéo dài thời gian, gọi điện thì N không nghe máy. Sau đó do bị nhắn tin đòi nhiều và do số tiền chiếm đoạt của chị Lê Thị N và chị Đoàn Thị L1 ít nên N đã trả lại số tiền 13.000.000 đồng cho chị Lê Thị N và 1.100.000 đồng cho chị Đoàn Thị L1. Đối với anh Q, chị KA, chị Khánh L sau nhiều lần nhắn tin qua Zalo “LN” đòi tiền nhưng N không trả nên anh Q, chị KA, chị Khánh L đã đến nhà N ở CT1, phòng 313, chung cư 379, phường QT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình yêu cầu N cho gặp chị Lê Thu N1 để hỏi rõ về việc làm thẻ và giải thích về số tiền anh Q, chị KA, chị Khánh L chuyển vào tài khoản mang tên Nguyễn Thị N thì N nói không biết chị N1 ở đâu, không liên lạc được, số tiền anh Q, chị KA, chị Khánh L đã chuyển vào tài khoản của N, N đã tiêu xài hết.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKSTPTB ngày 26 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận đã thực hiện hành vi như cáo trạng đã mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N mức án tù 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị N đã trả lại cho chị KA số tiền 30.000.000 đồng, chị Khánh L số tiền 9.100.000 đồng, anh Q số tiền 7.200.000 đồng, chị Lê Thị N số tiền 13.000.000 đồng, chị Đoàn Thị L1 số tiền 1.100.000 đồng. Chị Lê Thị N và chị Đoàn Thị L1 đã nhận lại đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt nên không có yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự. Chị KA, anh Q, chị Khánh L yêu cầu bị cáo phải trả số tiền còn lại mà bị cáo đã chiếm đoạt. Do đó, buộc bị cáo phải trả lại cho: Chị Phan Thị Khánh L số tiền 40.390.000 đồng, chị Trần Thị Kiều A số tiền 13.000.000 đồng, anh Phạm Ngọc Q số tiền 79.990.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Nguyễn Thị N nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận đã thực hiện hành vi như cáo trạng mô tả. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do không có việc làm, không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Thị N nảy sinh ý định giả danh là người có thể mở được thẻ tín dụng tại ngân hàng Sacombank và ngân hàng OCB với hạn mức cao rồi yêu cầu người mở thẻ phải mua gói bảo hiểm của ngân hàng, khi người mở thẻ chuyển tiền mua gói bảo hiểm thì N sẽ chiếm đoạt số tiền đó. Từ ngày 26/6/2023 đến ngày 17/7/2023,

Nguyễn Thị N đã giả danh là chị Lê Thu N1 làm ở ngân hàng Sacombank đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của chị Phan Thị Khánh L, chị Trần Thị Kiều A, anh Phạm Ngọc Q, chị Lê Thị N và chị Đoàn Thị L1 tổng số tiền 193.780.000 đồng, sau khi nhận được tiền N đã tiêu xài cá nhân hết.

Đây là hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Số tiền bị chiếm đoạt của các bị hại trên 50.000.000 đồng nên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục trả lại một phần tài sản cho các bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 193.780.000 đồng, trong đó 49.490.000 đồng của chị Phan Thị Khánh L, 43.000.000 đồng của chị Trần Thị Kiều A, 87.190.000 đồng của anh Phạm Ngọc Q, 13.000.000 đồng của chị Lê Thị N, 1.100.000 đồng của chị Đoàn Thị L1.

Bị cáo Nguyễn Thị N đã trả lại cho chị KA số tiền 30.000.000 đồng, chị Khánh L số tiền 9.100.000 đồng, anh Q số tiền 7.200.000 đồng, chị Lê Thị N số tiền 13.000.000 đồng, chị Đoàn Thị L1 số tiền 1.100.000 đồng. Chị Lê Thị N và chị Đoàn Thị L1 đã nhận lại đủ số tiền mà bị cáo chiếm đoạt nên không có yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự. Chị KA, anh Q, chị Khánh L yêu cầu bị cáo phải trả số tiền còn lại mà bị cáo đã chiếm đoạt. Do đó, buộc bị cáo phải trả lại cho: Chị Phan Thị Khánh L số tiền 40.390.000 đồng, chị Trần Thị Kiều A số tiền 13.000.000 đồng, anh Phạm Ngọc Q số tiền 79.990.000 đồng.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, đã qua sử dụng là công cụ phương tiện dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Đối với việc chị Phan Thị Khánh L và chị Lê Thị N tạo nhóm Zalo giới thiệu chị Lê Thu N1 (tài khoản Zalo “LN” do N sử dụng) để làm thẻ tín dụng, bản thân chị Phan Thị Khánh L và chị Lê Thị N cũng là bị hại, do tin tưởng N, không biết việc N giả danh là Lê Thu N1 làm việc tại ngân hàng Sacombank để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mặc dù giới thiệu người cho N làm thẻ tín dụng nhưng chị Phan Thị Khánh L và chị Lê Thị N không bàn bạc gì với N và cũng không được hưởng lợi gì. Do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình không có căn cứ xử lý đối với chị Phan Thị Khánh L và chị Lê Thị N.

[10] Ngoài ra, trong lý lịch thể hiện bị cáo Nguyễn Thị N có con là Nguyễn Hà L2 sinh ngày 26/11/2009 (thời điểm N chưa đủ 16 tuổi). Nguyễn Thị N khai nhận có quan hệ tình dục với anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1988, trú tại: Thôn VXĐ, xã TX, huyện TT, tỉnh Thái Bình tại một nhà nghỉ ở thị trấn DD, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Hành vi này có dấu hiệu của tội “Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự. Do đó cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển tài liệu đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh Thái Bình để xác minh giải quyết theo thẩm quyền.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải trả lại cho: Chị Phan Thị Khánh L số tiền 40.390.000 đồng, chị Trần Thị Kiều A số tiền 13.000.000 đồng, anh Phạm Ngọc Q số tiền 79.990.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, đã qua sử dụng.

(Vật chứng, tài sản trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/01/2023).

5. Án phí: Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.669.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam/Trại giam;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý